

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/DS-ST
Ngày 30 - 01 - 2026
“V/v T/c hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quốc Văn

Ông Lý Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phụng Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: Số 89 L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Mộng C (có mặt), ông Lê Văn M (vắng mặt), ông Nguyễn Hoàng H (vắng mặt), ông Lê Minh K (vắng mặt) - Chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng A.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Minh N, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã NP, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ cũ: Ấp 3, xã KT, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/7/2025, bản kê tính lãi ngày 30/01/2026 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng TMCP A trình bày:

Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng) có cho ông Đỗ Minh N vay tiền và còn nợ tại 02 hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số LN2112034824897 ngày 10/12/2021 với số tiền vay 183.750.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng (từ ngày 10/12/2021 đến ngày 10/12/2025), lãi suất 34%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay tiêu dùng, hợp đồng vay không tài sản bảo đảm. Quá trình vay ông N đã trả nợ gốc được 42.646.021 đồng, trả lãi được 84.270.018 đồng. Ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khoản vay trên nên chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 10/7/2023. Tính đến ngày 30/01/2026, ông N còn nợ gốc 141.103.979 đồng, nợ lãi trong hạn 112.735.917 đồng, nợ lãi quá hạn 56.367.959 đồng, tổng cộng nợ gốc và lãi tính tròn 310.207.000 đồng.

- Hợp đồng thẻ tín dụng số 324-P-8202907 ngày 07/7/2022 với số tiền vay 86.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 47,88%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi

suất trong hạn, mục đích vay tiêu dùng, hợp đồng vay không tài sản bảo đảm. Ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khoản vay trên nên chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 15/7/2023. Tính đến ngày 30/01/2026, ông N còn nợ gốc 82.443.515 đồng, nợ lãi trong hạn 116.084.034 đồng, nợ lãi quá hạn 58.042.017 đồng, tổng cộng nợ gốc và lãi tính tròn 256.569.000 đồng.

Ngân hàng yêu cầu ông N trả nợ tiền vay cho Ngân hàng tại 02 hợp đồng tín dụng tính đến ngày 30/01/2026 với số tiền gốc và lãi nói trên. Kể từ ngày 31/01/2026, ông N còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo 02 hợp đồng tín dụng đã ký kết nói trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số LD2229401456 ngày 21/10/2022 Ngân hàng cho ông N vay với số tiền 52.500.000 đồng, tại phiên toà Ngân hàng rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông N về hợp đồng tín dụng này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông N vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N.

[2] Về nội dung khởi kiện của Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng) đối với ông Đỗ Minh N:

Về giao dịch 02 hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với ông N như đại diện Ngân hàng trình bày là thực tế có diễn ra, điều này phù hợp với các giấy tờ do Ngân hàng cung cấp có tại hồ sơ như Hợp đồng tín dụng số LN2112034824897 ngày 10/12/2021, Hợp đồng thế tín dụng số 324-P-8202907 ngày 07/7/2022 và các giấy tờ khác có tại hồ sơ. Các hợp đồng tín dụng nói trên hai bên xác lập và ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật và hai bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng theo cam kết của hợp đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía bên vay là ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng tại 02 hợp đồng tín dụng trên, do ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N trả nợ tiền vay cả gốc và lãi tại 02 hợp đồng tín dụng là có căn cứ chấp nhận, cụ thể ông N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tại 02 hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số LN2112034824897 ngày 10/12/2021, tính đến ngày 30/01/2026 với số tiền gốc 141.103.979 đồng, lãi trong hạn 112.735.917 đồng, lãi quá hạn 56.367.959 đồng, tổng cộng gốc và lãi tính tròn 310.207.000 đồng. Kể từ ngày 31/01/2026, ông N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LN2112034824897 ngày 10/12/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền nợ.

Hợp đồng thế tín dụng số 324-P-8202907 ngày 07/7/2022, tính đến ngày 30/01/2026 với số tiền gốc 82.443.515 đồng, lãi trong hạn 116.084.034 đồng, lãi quá hạn 58.042.017 đồng, tổng cộng gốc và lãi tính tròn 256.569.000 đồng. Kể từ ngày 31/01/2026, ông N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng thế tín dụng số 324-P-8202907 ngày 07/7/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền nợ.

[3] Đối với Hợp đồng tín dụng số LD2229401456 ngày 21/10/2022 Ngân hàng cho ông N vay với số tiền 52.500.000 đồng, tại phiên tòa Ngân hàng rút lại yêu cầu khởi kiện về hợp đồng tín dụng này đối với ông N nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Do khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông N phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ trả nợ với tiền án phí là 26.671.000 đồng. Ngân hàng không phải chịu án phí, ngày 23/10/2025 Ngân hàng nộp tạm ứng án phí số tiền 13.292.000 đồng theo biên lai thu số 0003027 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cà Mau được nhận lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 94, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với ông Đỗ Minh N.

Buộc ông Đỗ Minh N trả nợ cho Ngân hàng TMCP A tại 02 Hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số LN2112034824897 ngày 10/12/2021, tính đến ngày 30/01/2026 với số tiền gốc 141.103.979 đồng, lãi trong hạn 112.735.917 đồng, lãi quá hạn 56.367.959 đồng, tổng cộng gốc và lãi tính tròn 310.207.000 đồng (Ba trăm mười triệu hai trăm lẻ bảy ngàn đồng). Kể từ ngày 31/01/2026, ông Đỗ Minh N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán cho Ngân hàng TMCP A theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LN2112034824897 ngày 10/12/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền nợ.

Hợp đồng thế tín dụng số 324-P-8202907 ngày 07/7/2022, tính đến ngày 30/01/2026 với số tiền gốc 82.443.515 đồng, lãi trong hạn 116.084.034 đồng, lãi quá hạn 58.042.017 đồng, tổng cộng gốc và lãi tính tròn 256.569.000 đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn đồng). Kể từ ngày 31/01/2026, ông Đỗ Minh N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán cho Ngân hàng TMCP A theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng thế tín dụng số 324-P-8202907 ngày 07/7/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền nợ.

Án phí dân sự có giá ngạch ông Đỗ Minh N phải nộp 26.671.000 đồng (Hai mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi một ngàn đồng). Ngân hàng TMCP A được nhận lại tiền nộp tạm ứng án phí số tiền 13.292.000 đồng (Mười ba triệu hai trăm chín mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003027 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cà Mau.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng TMCP A có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đỗ Minh N vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 2 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VPTANDKV2-CM.

Bùi Văn Việt

